

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số: 79/PPC-TCHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 12 tháng 6 năm 2020

V/v Công bố thông tin về họp
ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Mã chứng khoán : PBP

Địa chỉ trụ sở chính : Lô A1-3, KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu

Điện thoại : (84) - 2913 957 555

Fax : (84) - 2913 957 666

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Cảnh Khánh

Địa chỉ thường trú: 278/22A, đường Tầm Vu, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (84) - 2913 957 555

Fax: (84) - 2913 957 666

Nội dung thông tin công bố: Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: www.pbp.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng !

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Lê Cảnh Khánh



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lô A1 - 3, KCN Trà Kha, phường 8, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Điện thoại: 02913 957 555 Fax: 02913 957 666
Email: sales@pbp.vn www.pbp.vn Web: www.pbp.vn

THƯ MỜI

V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam trân trọng kính mời: **Quý Cổ đông** đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam.

➤ **Thời gian: 09 giờ 00 – 11 giờ 30, ngày 24/6/2020.**

(đón khách từ 08 giờ 30, khai mạc lúc 09 giờ 00)

➤ **Địa điểm:** Lô A1-3 KCN Trà Kha, Phường 8, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

➤ **Nội dung Đại hội:**

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2019, phương hướng hoạt động năm 2020;

2. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát;

3. Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty của Giám đốc;

4. Tờ trình thông qua kế hoạch SXKD năm 2020;

5. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;

6. Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2019; Kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020;

7. Báo cáo tiền lương, tiền thưởng, thù lao và lợi ích khác năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban quản lý điều hành;

8. Thông qua hợp đồng mua bán giữa PPC và PVCFC (Hợp đồng cung cấp Bao bì năm 2020);

9. Miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị (hết nhiệm kỳ), bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị Công ty (TV. HĐQT độc lập);

10. Bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát Công ty;

11. Các nội dung khác.

➤ **Điều kiện tham dự Đại hội:** Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt vào ngày 09/6/2020.

➤ **Chương trình Đại hội và tài liệu họp:** Được đăng tải tại website: <http://www.pbp.vn/>.



➤ **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự đại hội:**

Đề công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông gửi Phiếu đăng ký xác nhận tham dự, Giấy ủy quyền (nếu có), Thư đề cử/ ứng cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đến Công ty trước 17 giờ 00 ngày 20/6/2020 và gửi email địa chỉ: quangnm@pbp.vn.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo CMND/ hộ chiếu (bản gốc), giấy giới thiệu của tổ chức đại diện để đăng ký tư cách cổ đông.

Bạc Liêu, ngày 11 tháng 6 năm 2020.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐỨC THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /TTr-PPC-HĐ

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 21/06/2018 và được HĐQT sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-PPC-HĐ ngày 18/8/2019;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-PPC-HĐ ngày 13/7/2016,

Hội đồng quản trị PPC kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị năm 2019 và phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 như Phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Nguyễn Đức Thuận

PHỤ LỤC
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ, KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

(Đính kèm Tờ trình số: 01 /TTr-PPC-HĐ ngày 30/5/2020 của HĐQT PPC)

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2019

Năm 2019 là năm đầy thách thức đối với PPC, tình hình tiêu thụ phân bón gặp nhiều khó khăn, ngành bao bì cạnh tranh gay gắt, với những nỗ lực của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, PPC đã đạt được những kết quả nhất định, cụ thể:

Về sản xuất: Nhà máy Bao bì vận hành ổn định 100% công suất, đạt 22.185 nghìn bao đạt 100,03% so với KH và vượt 3,05% so với năm 2018; Nhà máy phân bón: sản xuất đạt 8.814 tấn đạt 103,70% so với KH, vượt 14,05% so với năm 2018.

Về sản lượng tiêu thụ: Sản lượng tiêu thụ bao bì đạt 22.176 nghìn bao đạt 101,71% so với KH, đạt 102,57% so với năm 2018; Sản lượng tiêu thụ Phân bón trong năm 2019 được khoảng 6.341 tấn, 107,49% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 78,03% so với năm 2018.

Các chỉ tiêu tài chính: Doanh thu thực hiện trong năm 2019 đạt được 223,76 tỷ đồng đạt 101,87% so với KH, đạt 94,57% so với cùng kỳ năm 2018, hoàn thành kế hoạch đề ra; Lợi nhuận sau thuế đạt 5,34 tỷ đồng tương đương đạt 103,42% so với KH và đạt 55,34% so với năm 2018; Tỷ suất lợi nhuận TT/Vốn CSH đạt 10,60%, đạt 99,53% so với kế hoạch.

Về đầu tư: Trong năm 2019 PPC không thực hiện đầu tư.

Về công tác quản trị: Tuân thủ các quy định về quản trị Công ty nghiêm ngặt, thực hiện việc công bố thông tin đúng quy định pháp luật; Đầu năm 2019, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc bộ máy, hướng tin gọn và phù hợp với tình hình thực tế Công ty.

Một số công tác khác: Công ty luôn quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ nâng cao tay nghề người lao động; Kịp thời khen thưởng, khuyến khích và phát động tinh thần sáng tạo trong tác nghiệp của cán bộ nhân viên; Tuân thủ quy định pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội;... các chế độ kế toán theo quy định; Thực hiện tốt trách nhiệm xã hội tại địa phương, những vùng lân cận, hỗ trợ giúp đỡ cho những gia đình cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn.

2. Tình hình hoạt động, thù lao của HĐQT

2.1. Hoạt động của HĐQT năm 2019

Trong năm 2019, các hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ các quy định nội bộ, Điều lệ Công ty và thực hiện tốt quy định pháp luật về doanh nghiệp, công ty niêm yết, cụ thể:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý, để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD và đề ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD của quý tiếp theo, định hướng để Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty; Tổ chức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT đã phê duyệt, ban hành các văn bản (nghị quyết, quyết định, quy chế, ...) thuộc thẩm quyền của HĐQT phù hợp yêu cầu thực tế SXKD của Công ty.

- Thực hiện giám sát hoạt động của Giám đốc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các nhiệm vụ được giao; Theo dõi sát tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời có ý kiến chỉ đạo Ban Giám đốc.

- HĐQT đã phân công, phân nhiệm cho từng thành viên HĐQT phụ trách các lĩnh vực, các thành viên HĐQT đã thực hiện quyền và trách nhiệm theo đúng quy định, thường xuyên có sự trao đổi đi đến thống nhất trong chỉ đạo.

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành, Nghị quyết ĐHĐCĐ được nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định. Thực hiện công tác cán bộ, Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường (ngày 22/11/2019) để cơ cấu lại nhân sự HĐQT, Đại hội được tổ chức tuân thủ các quy định của pháp luật về thủ tục tổ chức, bầu cử.

- Đầu năm 2019, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc bộ máy tổ chức, bộ máy được tinh gọn, hoạt động hiệu quả; HĐQT đã chỉ đạo thực hiện công tác kinh doanh quyết liệt và kịp thời; quản lý chặt chẽ dòng tiền nhằm tiết kiệm chi phí tài chính.

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức cuộc họp, lần lấy ý kiến bằng văn bản và đã ban hành các Nghị quyết, quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-PPC-HĐ	09.01.2019	Vv Họp định kỳ quý IV.2018
02	02/NQ-PPC-HĐ	23.01.2019	Vv Công tác cán bộ tại PPC
03	03/NQ-PPC-HĐ	21.02.2019	Vv Sơ đồ tổ chức Công ty và các nội dung khác
04	04/NQ-PPC-HĐ	12.3.2019	Vv Công tác cán bộ tại PPC
05	05/NQ-PPC-HĐ	21.3.2019	Vv Họp định kỳ quý I.2019
06	06/NQ-PPC-HĐ	07.5.2019	Vv chấp thuận đầu tư bổ sung thiết bị phục vụ SX bao bì
07	07/NQ-PPC-HĐ	20.5.2019	Vv chấp thuận chủ trương thay đổi logo slogan PPC
08	08/NQ-PPC-HĐ	27.5.2019	Vv triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu năm 2018

09	09/NQ-PPC-HĐ	27.5.2019	Vv quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018
10	10/NQ-PPC-HĐ	11.7.2019	Vv họp HĐQT quý II.2019
11	11/NQ-PPC-HĐ	09.10.2019	Vv họp HĐQT quý III.2019
12	12/NQ-PPC-HĐ	04.10.2019	Vv triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường.
13	13/NQ-PPC-HĐ	11.10.2019	Vv phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương năm 2019
14	14/NQ-PPC-HĐ	22.11.2019	Vv bầu Chủ tịch HĐQT
15	15/NQ-PPC-HĐ	25.11.2019	Vv phân công nhiệm vụ phụ trách lĩnh vực chuyên môn trong HĐQT
16	16/NQ-PPC-HĐ	24.12.2019	Vv họp HĐQT quý IV.2019
17	01/QĐ-PPC-HĐ	23.01.2019	Vv Miễn nhiệm Giám đốc
18	02/QĐ-PPC-HĐ	23.01.2019	Vv Bổ nhiệm Giám đốc
19	03/QĐ-PPC-HĐ	24.01.2019	Vv Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
20	04/QĐ-PPC-HĐ	25.01.2019	Vv Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
21	05/QĐ-PPC-HĐ	21.02.2019	Vv Bổ nhiệm Phó Giám đốc
22	06/QĐ-PPC-HĐ	21.02.2019	Vv Bổ nhiệm Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh
23	07/QĐ-PPC-HĐ	12.3.2019	Vv Ban hành Sơ đồ tổ chức Công ty
24	08/QĐ-PPC-HĐ	12.3.2019	Vv Thay đổi tên chức vụ cán bộ
25	09/QĐ-PPC-HĐ	12.3.2019	Vv Bổ nhiệm Q. Trưởng Phòng Kỹ thuật sản xuất
26	10/QĐ-PPC-HĐ	12.3.2019	VV Bổ nhiệm Trưởng Vận hành sản xuất
27	11/QĐ-PPC-HĐ	12.3.2019	Vv Bổ nhiệm Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán
28	12/QĐ-PPC-HĐ	24.4.2019	Vv Đi công tác nước ngoài của Giám đốc PPC
29	13/QĐ-PPC-HĐ	25.4.2019	Vv Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và thu lao Ban quản lý điều hành
30	14/QĐ-PPC-HĐ	25.4.2020	Vv Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng PPC
31	15/QĐ-PPC-HĐ	28.4.2019	Vv chấp thuận giao dịch giữa PPC và PVCFC

32	16/QĐ-PPC-HĐ	11.7.2019	Vv bổ sung Quy chế mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ
33	17/QĐ-PPC-HĐ	24.7.2019	Vv ban hành Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh
34	18/QĐ-PPC-HĐ	08.8.2019	Vv tăng vốn điều lệ, sửa đổi Điều lệ Công ty
35	19/QĐ-PPC-HĐ	21.8.2019	Vv Cử cán bộ đi công tác
36	20/QĐ-PPC-HĐ	26.8.2019	Vv sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng, thù lao Ban điều hành
37	21/QĐ-PPC-HĐ	6.10.2019	Vv đi công tác nước ngoài của Giám đốc
38	22/QĐ-PPC-HĐ	07.10.2019	Vv bổ nhiệm Phó Giám đốc
39	23/QĐ-PPC-HĐ	24.12.2019	Vv ban hành Quy chế Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng PPC
40	24/QĐ-PPC-HĐ	24.12.2019	Vv Ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng và thù lao Ban quản lý điều hành
41	25/QĐ-PPC-HĐ	24.12.2019	Vv sửa đổi, bổ sung Bộ định mức kinh tế kỹ thuật Công ty
42	26/QĐ-PPC-HĐ	24.12.2019	Vv Ban hành Quy chế quyết định phân cấp đầu tư, quản lý hoạt động lựa chọn nhà thầu

2.2. Kết quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2019

Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Nghị quyết số 01/NQ-PPC-HĐ ngày 10/01/2018, các thành viên HĐQT đã bám sát thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được giao. Cụ thể như sau:

STT	Nội dung kế hoạch	Người chủ trì	Tình hình thực hiện
I	Quý I/2019		
1	Phê duyệt, triển khai KH SXKD năm 2019	CT HĐQT Trần Chí Nguyễn; các TV HĐQT	Đã phê duyệt
2	Xây dựng KH hoạt động của HĐQT năm 2019	CT HĐQT Trần Chí Nguyễn; các TV HĐQT	Đã phê duyệt
3	Chuẩn bị công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2019	CT HĐQT Trần Chí Nguyễn; TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên	Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm

STT	Nội dung kế hoạch	Người chủ trì	Tình hình thực hiện
			2019 thực hiện đúng tiến độ.
4	Sơ kết SXKD Quý I/2019 và nhiệm vụ trọng tâm Quý II/2019	CT HĐQT Trần Chí Nguyên; TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên	Đã tổ chức họp HĐQT định kỳ Quý I/2019
II	Quý II/2019		
1	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên	CT HĐQT Trần Chí Nguyên; các TV HĐQT	Đã tổ chức ĐHĐCĐ
2	Sơ kết SXKD 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019.	CT HĐQT Trần Chí Nguyên; TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên	Đã tổ chức họp HĐQT định kỳ Quý II/2019
III	Quý III/2019		
1	Công tác quản lý tiêu hao nguyên vật liệu.	TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên	Đã rà soát, cập nhật định mức phù hợp tình hình thực tế của Công ty.
2	Sơ kết SXKD 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2019. Chuẩn bị xây dựng KH 2020.	CT HĐQT Trần Chí Nguyên; TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên	Đã tổ chức họp HĐQT định kỳ Quý III/2019
IV	Quý IV/2019		
1	Chỉ đạo xây dựng kế hoạch năm 2020	CT HĐQT Nguyễn Đức Thuận; Các TV HĐQT.	PPC đã xây dựng KH gửi về Công ty mẹ PVCFC theo kế hoạch.
2	Rà soát KH SXKD năm 2020 của PPC để trình HĐQT PVCFC phê duyệt	CT HĐQT Nguyễn Đức Thuận; Các TV HĐQT.	Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện KH SXKD trình PVCFC như kế hoạch.

STT	Nội dung kế hoạch	Người chủ trì	Tình hình thực hiện
3	Phê duyệt và giao KH SXKD năm 2020 PPC	CT HĐQT Nguyễn Đức Thuận; TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên	Đã trình PVCFC kế hoạch SXKD năm 2019, PVCFC đã xem xét phê duyệt trong tháng 01/2019.
4	Công tác báo cáo, tổng kết năm 2019 và triển khai kế hoạch năm 2020	CT HĐQT Nguyễn Đức Thuận; TV HĐQT, GD Nguyễn Trung Kiên;	Đã tổ chức thành công

Tất cả các thành viên HĐQT đều thực hiện nhiệm vụ của mình theo đúng lĩnh vực được phân công, rà soát các chốt trọng yếu (tài chính, tuân thủ và quản lý rủi ro,...) với tinh thần trách nhiệm cao, chỉ đạo các mặt hoạt động của Công ty được thông suốt và hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

2.3. Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT năm 2019

a. Về thù lao của HĐQT năm 2019:

Thù lao của HĐQT Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế trả lương trả thưởng của Công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thù lao của HĐQT năm 2019 như sau:

- Đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách, mức thù lao chưa bao gồm thuế thu nhập cá nhân hàng tháng là 4 triệu đồng/ người/ tháng. Đối với với chức danh Chủ tịch HĐQT là 6 triệu đồng/ người/ tháng.

- Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành tại Công ty hưởng lương theo chế độ tiền lương của Công ty.

Tổng tiền lương, thù lao, tiền thưởng của HĐQT trong năm 2019 là 1.298.370.000 đồng, chi tiết như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao, tiền thưởng (triệu đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	118,64	Chủ tịch HĐQT ngày 22/11/2019
2	Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	64,15	Miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 22/11/2019
3	Nguyễn Trung Kiên	TV HĐQT, GD	650,65	Bổ nhiệm TV. HĐQT ngày 21/6/2018; Bổ nhiệm Giám đốc ngày 23/01/2019
3	Lê Quốc Dũng	TV HĐQT, GD	406,47	Miễn nhiệm Giám đốc ngày 23/01/2019, TV HĐQT chuyên trách từ 23/01/2019,

				Miễn nhiệm TV. HĐQT ngày 22/11/2019
4	Trần Như Quỳnh	TV HĐQT	5,23	Bổ nhiệm TV. HĐQT ngày 22/11/2019
5	Đình Nhật Dương	TV HĐQT	5,23	Bổ nhiệm TV. HĐQT ngày 22/11/2019
6	Trần Thiên Hồng	TV HĐQT	48,00	
Tổng cộng:			1.298,37	

b. Về chi phí hoạt động của HĐQT năm 2019:

Tuân thủ theo Điều lệ, quy chế và quy định của Công ty.

3. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành

Mối quan hệ giữa HĐQT và Giám đốc Công ty thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ, Quy chế về quản trị Công ty và pháp luật. Với quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã ban hành các quy chế/quy định về các mặt hoạt động của công ty để Giám đốc tổ chức thực hiện. Trong quá trình làm việc, HĐQT cũng đã trao đổi, thảo luận và thống nhất với Giám đốc kịp thời phê duyệt, điều chỉnh, cập nhật các văn bản theo đề xuất của Giám đốc để các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được liên tục và thuận lợi.

HĐQT thực hiện tổ chức và tham gia các cuộc họp định kỳ hàng Quý để kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch SXKD của Quý và đề ra các giải pháp để hoàn thành kế hoạch SXKD của Quý tiếp theo. Ban Giám đốc cũng đã kịp thời báo cáo HĐQT tình hình hoạt động của Công ty, đặc biệt trong lúc khó khăn để cùng trao đổi tìm các giải pháp khắc phục vì mục tiêu chung của công ty.

Bên cạnh đó, thông qua các hồ sơ lấy ý kiến biểu quyết của HĐQT bằng văn bản, HĐQT đã thể hiện trách nhiệm trong việc tham gia giám sát và giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

HĐQT đã phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát các vấn đề sau:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT đề ra.
- Các nội dung thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT.
- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- HĐQT giám sát các báo cáo tài chính hàng quý của Ban Giám đốc.

Trong công tác kiểm tra, giám sát, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện, kịp thời phân công cán bộ phối hợp, cung cấp hồ sơ để HĐQT và BKS thực thi tốt nhiệm vụ giám sát của mình.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc, tuy nhiên vẫn đảm bảo hoạt động độc lập. Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi và thảo luận với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ các tài liệu họp HĐQT cho Ban kiểm soát xem xét và đóng góp ý kiến. Ban điều hành đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. Các biên bản họp của HĐQT đều được gửi tới BKS để cập nhật và đưa ra các ý kiến đóng góp kịp thời.

Ngoài việc kiểm tra giám sát, trong quá trình soạn thảo, ban hành các quy chế/quy định, tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Kiểm soát với chuyên môn của mình đã tham gia tư vấn, góp ý để hoàn thiện hơn, phù hợp với tình hình thực tế.

Các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban Công ty đều mời Trưởng ban Kiểm soát tham gia để đánh giá tình hình thực hiện định hướng, chiến lược và thiết lập các định hướng đề ra giải pháp chiến lược theo tình hình mới làm cơ sở triển khai thực hiện.

II. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình kinh tế và năng lực hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 tập trung định hướng vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng sản xuất		
	<i>Bao bì</i>	Bao	22.514.453
	<i>Phân bón</i>	Kg	12.000.000
2	Sản lượng tiêu thụ		
	<i>Bao bì</i>	Bao	22.514.453
	<i>Phân bón</i>	Kg	15.000.000
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	265.448
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.682
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.546
6	Tỷ lệ chia cổ tức	%	8.00%

2. Định hướng Kế hoạch năm 2020

2.1. Về chiến lược, kế hoạch:

- Tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển của Công ty.
- Giám sát thực hiện kế hoạch 2020 và xây dựng kế hoạch 2021 đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm sản phẩm bao bì, phân bón đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.

- Tập trung vào các nghiên cứu, sáng kiến cải tiến để vận hành hiệu quả Nhà máy Phân bón Dầu khí Bạc Liêu đảm bảo đưa ra thị trường sản phẩm tốt nhất.
- Tăng cường công tác truyền thông, đẩy mạnh bán hàng bao bì và sản phẩm phân bón, tìm kiếm những thị trường mới.

2.2. Về công tác quản trị:

- Tiếp tục hoàn thiện và đưa vào sử dụng các công cụ quản trị tiên tiến và hiện đại và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Công ty.
- Chú trọng trong công tác xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, tăng cường nghiên cứu thu thập thông tin thị trường, xây dựng kênh phân phối.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho vai trò quản lý và chuyên môn để tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- Kiểm soát tốt các bộ định mức kinh tế kỹ thuật vận hành và khai thác tại Nhà máy; quản trị chặt chẽ chi phí, giá thành sản phẩm đảm bảo theo các bộ định mức kinh tế kỹ thuật và cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại.

2.3. Công tác khác:

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy an toàn, ổn định; thực hiện tốt công tác bảo dưỡng sửa chữa an toàn, đảm bảo tiến độ, chất lượng và tiết kiệm chi phí.
- Chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư mua sắm đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo công tác kinh doanh cả 02 lĩnh vực sản phẩm bao bì và phân bón đảm bảo hiệu quả kinh doanh, giữ vững và nâng cao thương hiệu, giá trị sản phẩm. Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

Số: 01 /PPC-BKS

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

**V/v Báo cáo giám sát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của
Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC)**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/6/2018 và được Hội đồng Quản trị Công ty PPC sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-PPC-HĐ ngày 08/8/2019;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 10/8/2016 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết số 54/QĐ-PVCFC ngày 17/01/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) về việc Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ Phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC).

Căn cứ Nghị quyết số 2360/NQ-PVCFC ngày 31/12/2019 của Hội đồng Quản trị CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC)

Ban Kiểm soát PPC kính trình Đại hội đồng Cổ đông: Báo cáo giám sát năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát (PPC) và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán như phụ lục đính kèm.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGD;
- Lưu: BKS.

Đính kèm:

- Báo cáo giám sát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


VU CHÍ DƯƠNG

BÁO CÁO GIÁM SÁT NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo tờ trình số: 01 ngày 30 tháng 5 năm 2020 của Ban Kiểm soát Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam)

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT NĂM 2019

1. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát (Ban KS) năm 2019

- Nhằm giúp công tác kiểm tra giám sát đạt hiệu quả cao, Ban KS đã bám sát và triển khai sớm kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua. Công tác kiểm tra, giám sát chủ yếu tập trung vào các vấn đề sau: chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định nội bộ Công ty; sử dụng và bảo tồn vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019; thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; thực hiện các dự án đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.

- Trong năm 2019, Ban KS đã tổ chức bốn (04) cuộc họp thông qua các vấn đề như: kế hoạch hoạt động trong năm; phân công nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát; thẩm định các báo cáo tài chính; tình hình sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; kiến nghị sau các cuộc kiểm tra, góp ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy trình, quy định của Công ty.... Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo kế hoạch năm 2019 đã được Hội đồng Quản trị PVCFC phê duyệt.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ từng thành viên Ban KS đã hết sức nỗ lực và đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công, thường xuyên thực hiện trao đổi công việc để hoạt động của BKS được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất. Các công việc thực hiện cụ thể của các thành viên BKS như sau:

Ông Vũ Chí Dương – Trưởng Ban: Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của Ban Kiểm soát; Lập kế hoạch giám sát và tổ chức triển khai thực hiện; Giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện nghị quyết, quyết định ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Điều hành Công ty; Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý/năm; Kiểm tra, giám sát công tác đầu tư, mua sắm của Công ty.

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thành viên: Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động giám sát; Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo tồn vốn tại Công ty; Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật; Kiểm tra, giám sát công tác nhân sự, đào tạo.

Ông Nguyễn Quang Tám – Thành viên: Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động giám sát; Phân tích, đánh giá các báo cáo tài chính; Giám sát việc sử dụng, quản lý và bảo tồn vốn tại Công ty.

- Ngày 22/11/2019, Đại hội cổ đông bất thường năm 2019 đã miễn nhiệm ông Nguyễn Quang Tám - Thành viên Ban kiểm soát theo nguyện vọng cá nhân.

2. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Lương, thù lao và chi phí hoạt động của từng thành viên BKS được chi trả tuân thủ theo quy định của Công ty và đã được ĐHCĐ thông qua. Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát năm 2019 là 87,38 triệu đồng (cụ thể: Trưởng Ban KS: 42 triệu đồng, các thành viên Ban KS: 45,38 triệu đồng).

3. Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát năm 2019:

- Tình hình hoạt động:

Trong năm 2019, HĐQT đã chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành chủ động đưa ra giải pháp để điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cho hiệu quả. Kết quả hoạt động của Công ty như sau:

Về vận hành sản xuất: Nhà máy bao bì vận hành ổn định đạt 98,31% công suất thành phẩm cung cấp bao bì một cách chủ động và đầy đủ, đảm bảo tiến độ và chất lượng cho hoạt động đóng gói sản phẩm của Nhà máy Đạm Cà Mau và khách hàng bên ngoài; sản lượng sản xuất đạt 22.186 nghìn bao, đạt 100,03% so với kế hoạch. Nhà máy phân bón: sản xuất được 8.814 tấn, đạt 103,70% so với kế hoạch.

Về kinh doanh: Sản lượng tiêu thụ bao bì đạt 22.176 nghìn bao, đạt 101,71% so với KH, trong đó sản lượng bao bì cho khách hàng bên ngoài cả năm 2019 đạt 126,80% so với KH, chiếm 22,33% so với tổng sản lượng tiêu thụ. Sản lượng tiêu thụ Phân bón được 6.342 tấn đạt 107,49% so với KH, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Doanh thu thực hiện năm 2019 là 223,76 tỷ đồng, đạt 101,87% so với KH. Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 6,53 tỷ đồng đạt 104,93% so với KH, hoàn thành kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 5,34 tỷ đồng đạt 103,42% so với KH, hoàn thành kế hoạch.

Chi trả cổ tức: Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2018 với tỷ lệ 12%, trong đó chi tiền mặt là 7%, chi cổ phiếu là 5%

Về công tác bảo dưỡng, sửa chữa, an toàn môi trường: Thực hiện bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên theo kế hoạch, đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định. Công tác an toàn môi trường luôn được đảm bảo.

Về công tác nhân sự, đào tạo: luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quy chế tại PPC.

Về công tác quản trị: Công ty đã thực hiện rà soát, cập nhật lại các quy chế, quy trình cho phù hợp với tình hình thực tế hoạt động SXKD.

- Tình hình tài chính:

Căn cứ vào báo cáo do Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, tình hình kiểm tra giám sát thực tế tại đơn vị và báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Deloitte Việt Nam), kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Ban Kiểm soát đánh giá như sau:

Báo cáo tài chính đã phản ánh đầy đủ tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, đáp ứng đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam, tuân thủ quy định

432
NG
PHÁ
DÀI
TNA
U-T

về quản lý vốn, quản lý tài chính theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm cuối năm 2019, các chỉ số tài chính cơ bản đạt yêu cầu, cụ thể như sau:

Về tình hình huy động vốn và sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng 44% vốn chủ sở hữu để tài trợ cho tài sản, trong đó hệ số tài trợ cho tài sản dài hạn là 1. Hệ số đầu tư dài hạn là 0,44 lần và hệ số tài sản trên vốn chủ sở hữu là 2,25 lần.

Về tình hình công nợ và khả năng thanh toán: hệ số các khoản phải thu là 0,13, số vòng quay khoản phải thu ngắn hạn trung bình là 6,87 vòng, tương ứng với thời gian thu tiền bình quân là 13,1 ngày. Hệ số các khoản phải trả là 0,56 lần, số vòng quay là 0,86 vòng, tương ứng với thời gian thanh toán bình quân 105,2 ngày. Hệ số khả năng thanh toán tổng quát là 1,8 lần, hệ số thanh toán ngắn hạn là 1,14 lần. Hệ số khả năng thanh toán lãi vay đến cuối năm 2019 là 21,8 lần. Hệ số khả năng chi trả bằng tiền là 0,27 lần, do lượng hàng tồn kho khá cao.

Về tình hình quản trị chi phí: hệ số giá vốn hàng bán là 83%, hệ số chi phí bán hàng 3%, hệ số chi phí quản lý doanh nghiệp 4%. Công ty luôn nỗ lực thực hiện các biện pháp quản trị và tiết kiệm chi phí sản xuất, để đảm bảo hiệu quả SXKD.

Về hiệu suất và hiệu quả sử dụng vốn: Hiệu suất sử dụng vốn kinh doanh/vòng quay tài sản đạt 0,03 vòng, tương tự số vòng luân chuyển của tài sản ngắn hạn chỉ đạt 0,05 vòng. Số vòng quay hàng tồn kho của Công ty là: 0,99 vòng; kỳ hạn luân chuyển hàng tồn kho là 90,5 ngày. Hiệu quả sử dụng vốn của Công ty tại thời điểm cuối cuối năm 2019 ở mức trung bình (ROA 4% và ROE là 9%).

4. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành

- Trong năm 2019, ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT tổ chức cuộc họp đột xuất để kịp thời lấy ý kiến của các thành viên trong việc ra quyết định. Báo cáo của HĐQT và Ban điều hành đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2019 của Công ty.

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Ban điều hành đã chỉ đạo các đơn vị chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHCĐ.

- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm, giám sát và đóng góp ý kiến kịp thời nhằm hỗ trợ Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Ban điều hành đã chủ động điều hành hoạt động PPC, phân công nhiệm vụ một cách cụ thể, rõ ràng nhằm đảm bảo xử lý công việc kịp thời.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

Sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban GD và Ban KS tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty dựa trên nguyên tắc công khai, minh bạch nhằm đảm bảo lợi ích của các cổ đông và Công ty. HĐQT và Ban điều hành đã hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban KS hoạt động, như: cung cấp đầy đủ thông tin về



tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của công ty; mời tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành. Các ý kiến của Ban KS luôn được HĐQT và Ban điều hành phản hồi kịp thời, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động quản lý và công tác quản trị công ty.

6. Kiến nghị của Ban Kiểm soát cho kế hoạch hoạt động năm 2020

Trước tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, nhằm duy trì và góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2020, Ban KS kiến nghị một số nội dung như sau:

- Xây dựng và hoàn thiện chính sách kinh doanh đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và tăng doanh thu đảm bảo hiệu quả bền vững, tiếp tục tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp;
- Tiếp tục giám sát và quản lý rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho, quản lý hiệu quả dòng tiền; tiết kiệm, tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm;
- Nâng cao chất lượng sản phẩm cả hai nhà máy sản xuất bao bì và phân bón.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Ban KS tiếp tục giám sát, kiểm tra định kỳ hoạt động của Ban điều hành; cũng như tăng cường công tác phối hợp giữa Ban KS với HĐQT và Ban điều hành. Kế hoạch hoạt động trong năm 2020 tập trung vào các nội dung:

- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, các quy chế, quy định của Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) có liên quan, và các quy định nội bộ Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật, biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định báo cáo tài chính và tình hình tài chính hàng quý, năm của PPC;
- Thực hiện các báo cáo và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, của Công ty mẹ PVCFC và các quy định hiện hành.

III. ĐỀ XUẤT LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN

Trên cơ sở xem xét, đánh giá năng lực các công ty Kiểm toán độc lập, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam xem xét và thông qua./.

Số: 02/BC-PPC

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020 CỦA PPC

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 18/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019 của PPC và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PPC-HĐ ngày 02/01/2020 của Hội đồng quản trị PPC về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2019 của PPC;

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam, Giám đốc Công ty xin báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và định hướng hoạt động SXKD năm 2020 như sau:

PHẦN I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. Đánh giá chung

Trong năm 2019, ngành nông nghiệp Việt Nam chịu ảnh hưởng tiêu cực từ thời tiết, giá nông sản giảm sâu làm giảm nhu cầu sử dụng phân bón, giá phân bón liên tục giảm. Thêm vào đó, các sản phẩm phân bón trong nước phải đối mặt với sự cạnh tranh rất lớn của hàng nhập khẩu, chủ yếu đến từ các nước như Trung Quốc, Nga, Indonesia, Malaysia... do lợi thế công nghệ sản xuất, và đa phần là các nước thuộc khối ASEAN được hưởng thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt 0% theo Hiệp định ATIGA.

Trước tình hình chung trên, lĩnh vực Bao bì của Công ty cũng bị ảnh hưởng bởi khách hàng của PPC chủ yếu là các doanh nghiệp phân bón, chế biến xuất khẩu nông sản, thức ăn,...

Với những yếu tố khách quan trên, tình hình triển khai kế hoạch SXKD của PPC trong năm 2019 cũng đối mặt nhiều khó khăn thách thức trong việc hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019. Phân tích đánh giá tình hình SXKD năm 2019 của PPC qua các yếu tố khách quan và chủ quan sẽ được đề cập tại các phần dưới đây:



2. Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019			
				Kế hoạch	Thực hiện	% TH/KH	% TH 2019/2018
A	B	C	1	2	3	4 = 3/2	5 = 3/1
I	Các chỉ tiêu khối lượng						
1	Sản lượng sản xuất						
	Bao bì	Nghìn bao	21.529,27	22.179,28	22.185,88	100,03%	103,05%
	Phân bón	Tấn	7.728,13	8.500,00	8.814,30	103,70%	114,05%
2	Sản lượng tiêu thụ	Nghìn bao					
	Bao bì	Nghìn bao	21.621,23	21.802,61	22.176,42	101,71%	102,57%
	Phân bón	Tấn	8.127,00	5.900,00	6.341,65	107,49%	78,03%
II	Các chỉ tiêu tài chính						
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	236.610	219.662	223.760	101,87%	94,57%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.730	6.225	6.531	104,93%	60,87%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.656	5.166	5.343	103,42%	55,34%
4	Các khoản nộp NSNN	Triệu đồng	6.661	8.422	6.255	74,27%	93,90%
5	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	23,47%	13,62%	13,61%	99,93%	57,97%
6	Tỷ suất LNTT/Vốn CSH	%	17,25%	10,65%	10,60%	99,53%	61,46%
7	Hệ số nợ/VCSH	Lần	1,18	0,57	1,25	219,42%	105,98%
III	Các chỉ tiêu đầu tư						
1	Đầu tư XDCB và MSTTB	Triệu đồng	2.999	2.120	0	0,00%	0,00%

➤ Về sản xuất:

Nhà máy Bao bì vận hành ổn định 100% công suất, đạt 22.185 nghìn bao đạt 100,03% so với KH và vượt 3,05% so với năm 2018.

Nhà máy phân bón: sản xuất được 8.814 tấn đạt 103,70% so với KH, vượt 14,05% so với năm 2018.

➤ Về kinh doanh:

Sản lượng tiêu thụ Bao bì đạt 22.176 nghìn bao đạt 101,71% so với KH, đạt 102,57% so với năm 2018.

Sản lượng tiêu thụ Phân bón trong năm 2019 được khoảng 6.341 tấn, 107,49% so với cùng kỳ năm 2019, đạt 78,03% so với năm 2018.

Doanh thu thực hiện trong năm 2019 chỉ đạt được 223,76 tỷ đồng chỉ đạt 101,87% so với KH, đạt 94,57% so với cùng kỳ năm 2018, hoàn thành kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 5,34 tỷ đồng tương đương đạt 103,42% so với KH và đạt 55,34% so với năm 2018.

Một số chỉ tiêu tài chính của PPC như sau:

+ Tỷ suất lợi nhuận TT/Vốn CSH đạt 10,60%, đạt 99,53% so với kế hoạch.

➤ *Về đầu tư:*

Trong năm 2019, PPC không thực hiện đầu tư.

➤ *Công tác quản trị Công ty*

Thực hiện tốt các quy định của Công ty niêm yết, thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định.

Thực hiện tái cấu trúc bộ máy Công ty theo hướng tin gọn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

3. Báo cáo tình hình tài chính

Tình hình các chỉ tiêu tài chính năm 2019 tương đối ổn định, cụ thể được thể hiện thông qua các chỉ tiêu:

➤ *Tình hình tài chính:*

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	135.686	138.740	2,25%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	236.603	223.738	-5,44%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	10.895	6.528	-40,08%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	10.730	6.531	-39,13%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.656	5.343	-44,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	56,80%	71,86%	26,50%

➤ *Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:*

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,11	1,14	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,77	0,37	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,54	0,56	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,18	1,25	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho:	Vòng	10,20	6,15	
+ Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,74	1,61	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,08%	2,39%	
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,55%	8,68%	
+ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,12%	3,85%	
+ Tỷ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,60%	2,92%	

Năm 2019, là năm PPC được đánh giá là năm rất nhiều khó khăn thách thức, hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng trực tiếp dẫn đến các chỉ tiêu chính đều thấp hơn so với năm trước.

4. Những hạn chế còn tồn tại

1.1. Những hạn chế, chưa đạt trong năm 2019

- Về Bao bì: Do tình hình cạnh tranh bên ngoài gay gắt (cạnh tranh với các doanh nghiệp tư nhân với mô hình khác mô hình công ty), thị phần bao ngoài còn hạn chế, chưa có được các khách hàng lớn với sản lượng cao và ổn định.

- Về phân bón: Trước tình hình kinh doanh phân bón nước ta năm này tương đối khó khăn nên cũng ảnh hưởng đáng kể đến tình hình kinh doanh của PPC. Song năm 2019, tình hình tiêu thụ Phân N. Humate chủ yếu phụ thuộc PVCFC phân phối, chưa thể chủ động trong công tác kinh doanh nên sản lượng tiêu thụ phân bón quá thấp, sản xuất không được liên tục và còn ảnh hưởng khá lớn đến tình hình tài chính của Công ty. Để chủ động hơn trong sản xuất kinh doanh phân bón, Quý IV/2019 đã tiếp nhận lại công tác kinh doanh phân bón và đã triển khai xây dựng bộ máy, xây dựng chính sách bán hàng và triển khai đến hệ thống đại lý hiện hữu.

5. Những bài học kinh nghiệm

Từ những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trên, Công ty đã rút ra được bài học kinh nghiệm để hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 là:

- Triển khai giao kế hoạch cụ thể từng Phòng ban để có cơ sở thường xuyên đánh giá, rà soát, và đưa ra giải pháp kịp thời.
- Cải tiến, nâng cao hơn nữa công tác quản lý trong sản xuất để tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động.
- Tăng cường chú trọng công tác sáng kiến cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm.
- Thường xuyên theo dõi, cập nhật định mức để đưa ra giải pháp nhằm tiết giảm hao hụt trong sản xuất Bao bì và phân bón, đồng thời tăng cường công tác kiểm soát chặt chẽ chi phí để giảm giá thành tăng lợi thế cạnh tranh.
- Phát huy hơn nữa vai trò, sức mạnh của Đảng, đoàn thể trong việc tập hợp phát huy sức mạnh đoàn kết trong sản xuất kinh doanh và xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Nâng cao vai trò xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc thoải mái để Người lao động gắn bó và làm việc một cách hiệu quả nhất.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình chung

Năm 2020, tiếp tục chịu tác động tiêu cực của thời tiết, tình hình xâm nhập mặn ở ĐBSCL tăng, dự báo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt trong lĩnh vực tự kinh doanh phân bón, một lĩnh vực mới chưa nhiều kinh nghiệm. Tuy nhiên, đó cũng là một cơ hội để Công ty có thể bước sang một bước ngoặt phát triển, Ban Lãnh đạo và CBCNV Công ty quyết tâm cùng nhau thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2020 và hướng đến mục tiêu phát triển của Công ty.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ SXKD của Công ty năm 2020

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Bao bì	Bao	22.514.453
1.2	Phân bón	Kg	12.000.000
	<i>Phân N. Humate+Te</i>		<i>6.000.000</i>
	<i>Gia công NPK</i>		<i>6.000.000</i>
2	Sản lượng tiêu thụ		
2.1	Bao bì	Bao	22.514.453
2.2	Phân bón	Kg	15.000.000
	<i>Phân N. Humate+Te</i>		<i>9.000.000</i>
	<i>Gia công NPK</i>		<i>6.000.000</i>

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	265.448
	Bao bì		182.190
	Phân bón		83.258
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.682
	Bao bì		6.484
	Phân bón		198
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.546
	Bao bì		5.382
	Phân bón		164
6	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	62.376
	Trong đó: Vốn điều lệ	Triệu đồng	47.995
	Tỷ lệ tham gia của PVCFC	%	51,03%
7	Tỷ suất LNTT/VCSH BQ	%	11,82%
8	Phân phối lợi nhuận	Triệu đồng	5.226

2.2. Các giải pháp thực hiện

➤ Về quản trị sản xuất:

▪ Nhà máy Bao bì:

- Tìm nguồn NVL tối ưu -> tiết kiệm chi phí.
- Nâng cấp máy sợi, máy dệt, máy tráng -> nâng công suất, nâng cao chất lượng,

tiết giảm tiêu hao sản xuất.

▪ Dây chuyền sản xuất phân bón:

- Nghiên cứu chuyển từ đốt dầu DO sang than đá -> tiết giảm chi phí.
- Nâng cấp hệ thống điều khiển tự động -> nâng cao, ổn định chất lượng sản phẩm.

- Tận dụng tối đa Ure phé; NPK phé từ PVCFC để sản xuất các sản phẩm NPK chuyên loại.

➤ Về lĩnh vực kinh doanh:

▪ Kinh doanh Bao bì:

- Cung cấp sản phẩm chất lượng, kịp thời cho Nhà máy ĐCM.
- Phát triển thị trường bên ngoài (KH lớn và ổn định).
- Tìm hiểu và phát triển thị trường xuất khẩu.
- Đào tạo đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp.

- Lập dữ liệu khách hàng, đánh giá từng đối tượng khách hàng để tiếp cận một cách hiệu quả nhất.

- *Kinh doanh phân bón:*
 - Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt với các khu vực (ĐNM, TN, TNB).
 - Tăng cường tìm kiếm tối thiểu 2 KH để tiêu thụ 1.000 tấn.
 - Phát triển thêm sản phẩm phân N. Humate 28-7 tại thị trường CPC.
 - Tìm kiếm đối tác thực hiện gia công các sản phẩm NPK.
- *Về đầu tư Quản trị Chi phí/ Tài chính*
 - Quản lý chặt chẽ dòng tiền.
 - Kiểm soát kế hoạch theo từng mục tiêu.
 - Kiểm soát chi phí theo Cost center.
 - Khoán chí phí đến từng bộ phận.
- *Về Quản trị nguồn lực*
 - Chú trọng trong công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
 - Xây dựng Văn hóa doanh nghiệp theo các giá trị cốt lõi: “Uy tín – Trách nhiệm – Thân thiện – Sáng tạo”.

Năm 2020 với nhiều thách thức song với sự nỗ lực, quyết tâm cao của tập thể Lãnh đạo và đội ngũ CBCNV Công ty sẽ quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, thách thức, hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2020.

Trân trọng !



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trung Kiên

Số: 03 /TTr-PPC-HĐ

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch SXKD năm 2020 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 21/06/2018 và được HĐQT sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-PPC-HĐ ngày 08/08/2019;

Căn cứ Nghị quyết số: 323/NQ-PVCFC ngày 09/03/2020 của Hội đồng quản trị PVCFC về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của PPC;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và dự báo tình hình thị trường năm 2020,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam theo các chỉ tiêu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng sản xuất		
1.1	Bao bì	Bao	22.514.453
1.2	Phân bón	Kg	12.000.000
	<i>Phân N. Humate+Te</i>		6.000.000
	<i>Gia công NPK</i>		6.000.000
2	Sản lượng tiêu thụ		
2.1	Bao bì	Bao	22.514.453
2.2	Phân bón	Kg	9.000.000
	<i>Phân N. Humate+Te</i>		9.000.000
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	265.448
	Bao bì		182.190
	Phân bón		83.258
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.682
	Bao bì		6.484
	Phân bón		198



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.546
	Bao bì		5.382
	Phân bón		164
6	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	62.376
	Trong đó: Vốn điều lệ	Triệu đồng	47.995
	Tỷ lệ tham gia của PVCFC	%	51,03%
7	Tỷ suất LNTT/VCSH BQ	%	11,82%

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một cách linh hoạt cho phù hợp tình hình thực tế kinh doanh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Số: 04/TTr-PPC-HĐ

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán
của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 21/06/2018 và được HĐQT sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 18/QĐ-PPC-HĐ ngày 08/08/2019,

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (đính kèm), đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã đăng tải trên Website của Công ty (www.pbp.vn), bao gồm:

1. Báo cáo của kiểm toán;
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019;
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
5. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC THUẬN

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2019 và đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2020 của Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2019

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Kế hoạch SXKD năm 2019 của PPC và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-PPC-HĐ ngày 02/01/2020 của Hội đồng quản trị PPC về việc chấp thuận điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2019 của PPC;

Năm 2019, Công ty phải đối mặt rất nhiều khó khăn thách thức do chịu tác động ảnh hưởng tiêu cực từ thời tiết, giá nông sản giảm sâu, giá phân bón liên tục giảm, phân bón nhập khẩu gia tăng làm cho tình hình SXKD phân bón của Công ty khó khăn dẫn đến kết quả SXKD của Công ty bị ảnh hưởng. Theo kết quả SXKD năm 2019 của Công ty; Hội đồng quản trị Công ty đề xuất thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

STT	Khoản mục	Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ	Đề xuất	Chênh lệch	Ghi chú
1	Chia cổ tức	12%	8%	-4%	Do lợi nhuận giảm
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	10%	5%	Để dự phòng đầu tư khi có nhu cầu
3	Trích quỹ khen thưởng	15%	10%	-5%	Cân đối với tỷ lệ quỹ đầu tư phát triển

4	Trích quỹ phúc lợi	5%	5%	0%	
5	Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	150.000.000	118.333.333	(31.666.667)	01 tháng lương Người quản lý chuyên trách

Chi tiết như bảng sau:

STT	Khoản mục	Tỷ lệ	Số tiền	Ghi chú
1	Vốn điều lệ		47.995.160.000	
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 chuyển sang		113.988.358	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo BCTC đã kiểm toán		5.343.343.603	
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 dùng để phân phối		5.457.331.961	
5	Trích lập các quỹ từ LNST năm 2019		1.454.169.233	
	Quỹ đầu tư phát triển	10%	534.334.360	
	Quỹ khen thưởng	10%	534.334.360	
	Quỹ phúc lợi	5%	267.167.180	
	Quỹ thưởng người quản lý		118.333.333	01 tháng lương Người quản lý chuyên trách
6	Lợi nhuận sau thuế còn lại năm 2019 sau khi trích lập các quỹ		4.003.162.728	
7	Chia cổ tức (Bằng tiền)	8%	3.839.612.800	
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm 2020		163.549.928	

2. Đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Quỹ Đầu tư phát triển	10%	

004;
CÔNG
HỒ PH
BÌ DÁ
ÉT NA
U-T.I

2	Trích quỹ khen thưởng	10%	
3	Trích quỹ phúc lợi	5%	
4	Chia cổ tức	8,00%	
5	Bổ sung vốn lưu động sau khi chia cổ tức và trích lập các quỹ.		

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC THUẬN



Số: 06 /BC-PPC-HĐ

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO

Tiền lương, tiền thưởng, thù lao và lợi ích khác năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Ban quản lý, điều hành

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Hội đồng quản trị Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện tiền lương, tiền thưởng, thù lao và lợi ích khác năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của Ban quản lý, điều hành (Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng) như sau:

I. Tình hình thực hiện năm 2019:

Tổng tiền lương, tiền thưởng, thù lao và lợi ích năm 2019 của Ban quản lý, điều hành Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam là **2.609.476.936 đồng**. cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, thù lao	Tiền thưởng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị:		610,72	37,0	647,73
1	Trần Chí Nguyễn	Chủ tịch HĐQT	64,15		64,15
2	Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	114,79	3,85	118,64
3	Trần Như Quỳnh	TV HĐQT	5,23		5,23
4	Trần Thiên Hồng	TV HĐQT	48,00		48,00
5	Lê Quốc Dũng	TV HĐQT	373,31	33,16	406,47
6	Đình Nhật Dương	TV HĐQT	5,23		5,23
II	Ban Kiểm soát:		87,38	0	87,38
1	Vũ Chí Dương	Trưởng BKS	42,00		42,00
2	Nguyễn Thị Lệ Hằng	TV BKS	24,00		24,00
3	Nguyễn Quang Tám	TV BKS	21,38		21,38
III	Ban Giám đốc:		1.166	174,38	1.340,58
1	Nguyễn Trung Kiên	GĐ	542,44	108,21	650,65
2	Nguyễn Thanh Nhuận	Phó GĐ	568,38	66,16	634,54
3	Lê Quốc Bảo	Phó GĐ	55,38		55,38
IV	Kế toán trưởng:		475,75	58,04	533,79
1	Lê Cảnh Khánh	KTT	475,75	58,04	533,79
Tổng cộng:			2.340	269,43	2.609,48



II. Kế hoạch năm 2020:

1. Căn cứ:

- Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

- Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

- Tình hình thực hiện năm 2019, nhiệm vụ kế hoạch và số lượng thành viên Ban quản lý, điều hành năm 2020.

2. Quỹ tiền lương, thù lao và Quỹ tiền thưởng kế hoạch:

- Số lượng nhân sự Ban quản lý, điều hành: 11 người. Trong đó: 05 người chuyên trách và 06 người kiêm nhiệm;

- Tiền lương bình quân kế hoạch của Ban quản lý, điều hành chuyên trách: 36 triệu đồng/người/tháng.

- Thù lao của Ban quản lý, điều hành kiêm nhiệm: 7,2 triệu đồng/người/tháng.

- Quỹ tiền lương, thù lao của Ban quản lý, điều hành: 2.592,00 triệu đồng.

- Quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành: 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách: 174 triệu đồng.

3. Phân phối tiền lương, tiền thưởng Ban quản lý điều hành:

Việc phân phối quỹ tiền lương, thù lao và quỹ tiền thưởng của Ban quản lý điều hành thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách của Ban quản lý, điều hành do Hội đồng quản trị Công ty ban hành.

4. Cơ chế xác định Quỹ tiền lương, thù lao và Quỹ tiền thưởng thực hiện:

a. Quỹ tiền lương thực hiện:

- Quỹ tiền lương thực hiện được xác định trên cơ sở số người Ban quản lý, điều hành chuyên trách thực tế (tính bình quân theo tháng) và mức tiền lương bình quân thực hiện.

- Mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định trên cơ sở mức tiền lương bình quân kế hoạch gắn với mức độ thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh cụ thể như sau:

+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện được xác định bằng mức tiền lương bình quân kế hoạch.



+ Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch thì cứ 01% lợi nhuận thực hiện vượt lợi nhuận kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện được tính thêm 02%, nhưng không quá 20% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch.

b. Quỹ tiền thưởng thực hiện:

- Khi lợi nhuận thực hiện cao hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tối đa không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

- Khi lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành bằng 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

- Khi lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì quỹ tiền thưởng của Ban quản lý, điều hành tối đa không quá 01 tháng tiền lương bình quân thực hiện của Ban quản lý, điều hành chuyên trách.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

NGUYỄN ĐỨC THUẬN



Số: 07 /TTr-PPC-HĐ

Bạc Liêu, ngày 30 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua các hợp đồng mua bán với cổ đông có liên quan
của Công ty CP bao bì Dầu khí Việt Nam

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông Công ty CP Bao bì Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 về quản trị công ty áp dụng
đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (PPC) ban hành kèm
theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCD ngày 21/06/2018 và được HĐQT sửa đổi bổ sung
theo Quyết định số 18/QĐ-PPC-HĐ ngày 08/08/2019,

Hiện tại, Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) vừa là cổ đông lớn –
Công ty mẹ, vừa là đối tác chiến lược của Công ty, là đơn vị thu mua phần lớn sản phẩm
Bao bì của Công ty (chiếm hơn 75%). Theo dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020 của
PPC, giá trị hợp đồng bao bì cung cấp cho PVCFC có giá trị lớn hơn 35% giá trị của
tổng tài sản năm 2019.

Để việc giao dịch các hợp đồng mua bán giữa Công ty và Công ty CP Phân bón
Dầu khí Cà Mau trong năm 2020 đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định hiện hành, Hội
đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận thông qua các nội
dung chủ yếu liên quan đến việc giao dịch mua bán giữa PPC và PVCFC. Cụ thể như
sau:

STT	Các hợp đồng	Số lượng (tạm tính)	Giá trị hợp đồng (tạm tính)
1	Hợp đồng Bao bì	16.847 nghìn bao	145 tỷ đồng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ DẦU KHÍ
VIỆT NAM
NGUYỄN ĐỨC THUẬN

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8

Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

11001
CÔ
T
DEL
VIỆ
NG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Thuận	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019) Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Trần Chí Nguyên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Lê Quốc Dũng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Trần Thiên Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên
Ông Đinh Nhật Dương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)
Ông Trần Như Quỳnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2019)

Ban Giám đốc

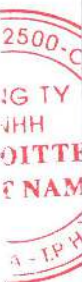
Ông Nguyễn Trung Kiên	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Lê Quốc Dũng	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thanh Nhuận	Phó Giám đốc
Ông Lê Quốc Bảo	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM
Lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8
Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020



Số: 06/18 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2020, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 3 năm 2020
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Công Cương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3992-2017-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.690.058.006	66.239.010.721
I. Tiền	110	4	6.690.966.187	2.738.000.820
1. Tiền	111		6.690.966.187	2.738.000.820
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.786.514.181	42.307.089.098
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.731.882.675	42.188.157.996
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		90.227.600	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		49.000.000	118.931.102
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(84.596.094)	-
III. Hàng tồn kho	140	6	52.486.461.111	20.331.975.197
1. Hàng tồn kho	141		52.486.461.111	20.331.975.197
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		726.116.527	861.945.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	726.116.527	861.945.606
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.049.943.182	69.447.123.441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		58.847.865.001	69.022.977.514
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	58.826.753.890	68.875.199.736
- Nguyên giá	222		119.304.327.463	118.612.827.463
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.477.573.573)	(49.737.627.727)
2. Tài sản cố định vô hình	227		21.111.111	147.777.778
- Nguyên giá	228		380.000.000	380.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(358.888.889)	(232.222.222)
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.199.078.181	421.145.927
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	2.199.078.181	421.145.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		138.740.001.188	135.686.134.162

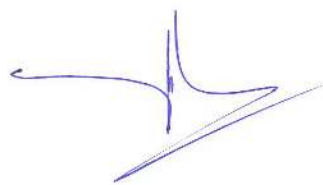
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

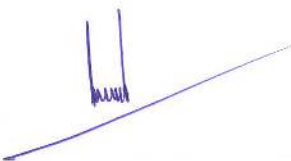
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		77.151.174.704	73.583.871.081
I. Nợ ngắn hạn	310		67.879.254.036	59.845.830.413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	37.257.255.139	22.621.778.981
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		365.332.158	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	1.715.626.936	922.938.351
4. Phải trả người lao động	314		4.439.524.791	7.866.356.511
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.239.633.087	301.023.930
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	2.392.151.264	2.066.359.335
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	19.085.178.547	24.881.161.941
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		119.397.600	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.265.154.514	1.186.211.364
II. Nợ dài hạn	330		9.271.920.668	13.738.040.668
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	9.271.920.668	13.738.040.668
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.588.826.484	62.102.263.081
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	61.588.826.484	62.102.263.081
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		47.995.160.000	45.709.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		47.995.160.000	45.709.940.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.136.334.523	6.687.883.883
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.457.331.961	9.704.439.198
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		113.988.358	48.101.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.343.343.603	9.656.337.602
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		138.740.001.188	135.686.134.162



Trịnh Thanh Trúc
 Người lập biểu



Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	224.617.506.006	236.900.084.887
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	880.000.000	297.244.902
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		223.737.506.006	236.602.839.985
4. Giá vốn hàng bán	11	17	196.867.213.615	204.770.198.322
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.870.292.391	31.832.641.663
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		19.133.561	6.963.517
7. Chi phí tài chính	22	19	2.022.286.858	3.279.261.192
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.972.200.329	3.267.084.848
8. Chi phí bán hàng	25	20	7.753.995.531	5.107.126.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	10.584.947.177	12.558.061.521
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.528.196.386	10.895.156.372
11. Thu nhập khác	31		3.243.730	-
12. Chi phí khác	32		-	165.321.339
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		3.243.730	(165.321.339)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.531.440.116	10.729.835.033
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	21	1.188.096.513	1.073.497.431
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.343.343.603	9.656.337.602
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	891	1.458


 Trịnh Thanh Trúc
 Người lập biểu


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc



Ngày 12 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.531.440.116	10.729.835.033
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.866.612.513	10.739.091.971
Các khoản dự phòng	03	203.993.694	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	35.348.542	11.804.892
Chi phí lãi vay	06	1.972.200.329	3.267.084.848
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	19.609.595.194	24.747.816.744
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	24.397.386.551	(26.627.382.681)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(32.154.485.914)	5.721.831.081
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	13.871.586.457	7.945.716.102
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.642.103.175)	1.233.578.818
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.000.223.513)	(3.264.977.050)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(974.330.339)	(1.150.162.689)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.243.730	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.578.141.250)	(1.184.318.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	18.532.527.741	7.422.101.510
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.117.763.180)	(3.400.319.144)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.117.763.180)	(3.400.319.144)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	50.987.700.948	169.766.673.943
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(61.249.804.342)	(171.656.756.842)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.199.695.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	40	(13.461.799.194)	(1.890.082.899)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	3.952.965.367	2.131.699.467
Tiền đầu năm	60	2.738.000.820	606.301.353
Tiền cuối năm	70	6.690.966.187	2.738.000.820


 Trịnh Thanh Trúc
 Người lập biểu


 Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười hai ngày 12 tháng 8 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại lô A 1-3, khu Công nghiệp Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Từ ngày 27 tháng 01 năm 2015, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PBP.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2014 theo Quyết định số 7234/UBCK-QLPH ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 220 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 263 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: chất dẻo nguyên sinh và phân bón;
- In ấn bao bì PP/PE, vải manh PP phục vụ nông nghiệp và các ngành công nghiệp khác;
- Quảng cáo;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; và
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bao bì PP/PE và phân bón.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay như trình bày tại Thuyết minh số 22.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ, vật liệu, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013

và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Năm 2019 là năm thứ 2 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 17%.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Công ty chưa có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Tiền mặt	29.830.640	32.710.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.661.135.547	2.705.290.510
	<u>6.690.966.187</u>	<u>2.738.000.820</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.937.099.919	38.545.117.166
Công ty Cổ phần Hùng Vương Sông Đốc	-	39.270.000
Các khách hàng khác	2.794.782.756	3.603.770.830
	<u>17.731.882.675</u>	<u>42.188.157.996</u>
Phải thu khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 23)	<u>14.937.099.919</u>	<u>38.545.117.166</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.672.695.633	-	6.714.387.957	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.017.307.163	-	2.923.658.081	-
Thành phẩm	30.796.458.315	-	10.693.929.159	-
	52.486.461.111	-	20.331.975.197	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	169.789.726	75.198.091
- Vật liệu, phụ tùng thay thế	214.845.575	113.186.000
- Các khoản khác	341.481.226	673.561.515
	726.116.527	861.945.606
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa đường nội bộ	939.541.372	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	137.715.476	284.122.244
- Chi phí đào tạo cán bộ công nhân viên	-	111.661.562
- Các khoản khác	1.121.821.333	25.362.121
	2.199.078.181	421.145.927

8. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	52.817.952.772	58.199.437.079	7.243.517.751	351.919.861	118.612.827.463
Tăng trong năm	98.000.000	593.500.000	-	-	691.500.000
Số dư cuối năm	52.915.952.772	58.792.937.079	7.243.517.751	351.919.861	119.304.327.463
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	15.294.277.035	30.174.861.436	4.107.112.035	161.377.221	49.737.627.727
Khấu hao trong năm	3.088.275.263	6.822.182.621	753.110.433	76.377.529	10.739.945.846
Số dư cuối năm	18.382.552.298	36.997.044.057	4.860.222.468	237.754.750	60.477.573.573
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	37.523.675.737	28.024.575.643	3.136.405.716	190.542.640	68.875.199.736
Tại ngày cuối năm	34.533.400.474	21.795.893.022	2.383.295.283	114.165.111	58.826.753.890

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 5.030.803.661 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.048.367.272 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty sử dụng toàn bộ tài sản cố định được hình thành từ Dự án "Đầu tư xây dựng Nhà máy Sản xuất Bao bì Dầu khí Bạc Liêu" và tài sản cố định hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu. Giá trị còn lại của các tài sản cố định này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 53.826.819.196 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 63.522.533.553 VND).

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	646.578.417	4.522.896.803	4.047.656.209	1.121.819.011
- Thuế GTGT đầu ra	646.578.417	4.312.867.751	3.837.627.157	1.121.819.011
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	210.029.052	210.029.052	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	231.596.134	1.188.096.513	974.330.339	445.362.308
Thuế thu nhập cá nhân	44.763.800	309.729.111	327.181.550	27.311.361
Thuế khác	-	124.134.256	3.000.000	121.134.256
	922.938.351	6.144.856.683	5.352.168.098	1.715.626.936

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Các khoản phải				
Công ty Cổ phần Kinh Doanh Bao Bì Lương Thực	15.832.166.636	15.832.166.636	68.994.750	68.994.750
Công ty Cổ phần Nhựa OPEC	4.128.586.000	4.128.586.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	17.296.502.503	17.296.502.503	22.552.784.231	22.552.784.231
	37.257.255.139	37.257.255.139	22.621.778.981	22.621.778.981
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 23)	2.037.253.600	2.037.253.600	3.858.443.200	3.858.443.200

11. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hóa đi mượn (*)	1.509.320.736	1.509.320.736
Kinh phí công đoàn	455.293.350	193.854.870
Bảo hiểm xã hội	337.974.477	286.692.825
Bảo hiểm y tế	60.122.455	51.072.748
Bảo hiểm thất nghiệp	29.440.246	25.418.156
	<u>2.392.151.264</u>	<u>2.066.359.335</u>
Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	<u>1.509.320.736</u>	<u>1.509.320.736</u>

(*) Phản ánh giá trị nguyên vật liệu Công ty mượn từ Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau - Công ty mẹ để phục vụ hoạt động sản xuất của Nhà máy Phân bón nhưng chưa hoàn trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	14.638.139.701	14.638.139.701	50.987.700.948	51.006.782.102	14.619.058.547	14.619.058.547
Nợ dài hạn đến hạn trả	10.243.022.240	10.243.022.240	4.466.120.000	10.243.022.240	4.466.120.000	4.466.120.000
	24.881.161.941	24.881.161.941	55.453.820.948	61.249.804.342	19.085.178.547	19.085.178.547

- (i) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu với thời gian vay tối đa không quá 3 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì và phân urê đen. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất theo lãi suất cơ sở cộng biên độ quy định nhưng tối thiểu không thấp hơn lãi suất sàn cho vay do bên cho vay quy định.

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (i)	23.981.062.908	23.981.062.908	-	10.243.022.240	13.738.040.668	13.738.040.668
	23.981.062.908	23.981.062.908	-	10.243.022.240	13.738.040.668	13.738.040.668

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	10.243.022.240	10.243.022.240			4.466.120.000	4.466.120.000
- Số phải trả sau 12 tháng	13.738.040.668	13.738.040.668			9.271.920.668	9.271.920.668

- (i) Thể hiện các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bạc Liêu theo các hợp đồng hạn mức tín dụng với thời hạn vay từ 3 đến 7 năm để phục vụ cho mục đích đầu tư mua sắm, xây dựng tài sản cố định của Công ty. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất của các khoản vay là lãi suất thả nổi có điều chỉnh theo thời gian.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	4.466.120.000	10.243.022.240
Trong năm thứ hai	3.994.679.386	4.466.120.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.277.241.282	9.271.920.668
Sau năm năm	-	-
	13.738.040.668	23.981.062.908
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	4.466.120.000	10.243.022.240
Số phải trả sau 12 tháng	9.271.920.668	13.738.040.668

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>	<u>Lợi nhuận sau</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>của chủ sở hữu</u>	<u>phát triển</u>	<u>thuế chưa</u>	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>phân phối</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm trước	40.812.490.000	5.616.527.985	7.445.382.024	53.874.400.009
Lợi nhuận trong năm	-	-	9.656.337.602	9.656.337.602
Trích lập các quỹ	-	1.071.355.898	(2.499.830.428)	(1.428.474.530)
Chia cổ tức	4.897.450.000	-	(4.897.450.000)	-
Số dư đầu năm nay	45.709.940.000	6.687.883.883	9.704.439.198	62.102.263.081
Lợi nhuận trong năm	-	-	5.343.343.603	5.343.343.603
Trích lập các quỹ (i)	-	1.448.450.640	(4.105.535.040)	(2.657.084.400)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	2.285.220.000	-	(2.285.220.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(3.199.695.800)	(3.199.695.800)
Số dư cuối năm nay	47.995.160.000	8.136.334.523	5.457.331.961	61.588.826.484

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, Công ty đã thực hiện trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền 1.448.450.640 VND và Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 2.657.084.400 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.799.516	4.570.994
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.799.516	4.570.994
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.799.516	4.570.994
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.799.516	4.570.994

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ mười hai ngày 12 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 47.995.160.000 VND và các cổ đông đã góp vốn đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi		Vốn đã góp			
			Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	24.491.670.000	51,03%	24.491.670.000	51,03%	23.325.400.000	51,03%
Doanh nghiệp tư nhân Phương Ngọc	3.528.000.000	7,35%	3.528.000.000	7,35%	3.360.000.000	7,35%
Cổ đông khác	19.975.490.000	41,62%	19.975.490.000	41,62%	19.024.540.000	41,62%
	47.995.160.000	100%	47.995.160.000	100%	45.709.940.000	100%

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện lần lượt là 7%/cổ phiếu và 5%/cổ phiếu tương đương với 3.199.695.800 VND và 2.285.220.000 VND. Cổ phiếu được chấp nhận niêm yết bổ sung theo Thông báo số 913/TB-SGDHN của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 14 tháng 8 năm 2019.

15. BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động: Bộ phận sản xuất và kinh doanh bao bì và Bộ phận sản xuất và kinh doanh phân bón.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Năm nay	Sản xuất và kinh	Sản xuất và kinh	Tổng cộng
	doanh bao bì	doanh phân bón	
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	173.316.404.506	50.303.871.500	223.620.276.006
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(149.488.937.644)	(47.378.275.971)	(196.867.213.615)
Chi phí hoạt động bộ phận	(2.665.144.993)	(4.011.742.182)	(6.676.887.175)
Chi phí tài chính	(459.656.950)	(1.133.225.958)	(1.592.882.908)
Chi phí khác	-	-	-
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	20.702.664.919	(2.219.372.611)	18.483.292.308
Doanh thu dịch vụ			117.230.000
Chi phí hoạt động chung			(11.662.055.533)
Doanh thu hoạt động tài chính			19.133.561
Chi phí tài chính			(429.403.950)
Thu nhập khác			3.243.730
Lợi nhuận trước thuế			6.531.440.116
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.188.096.513)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			5.343.343.603

00-C...
 TY
 +
 FTE
 AM
 H H A

Năm trước	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	173.186.591.735	63.416.248.250	236.602.839.985
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(147.841.645.636)	(56.928.552.686)	(204.770.198.322)
Chi phí hoạt động bộ phận	(2.583.117.212)	(2.526.377.252)	(5.109.494.464)
Chi phí tài chính	(1.320.475.621)	(1.339.336.475)	(2.659.812.096)
Chi phí khác	(165.321.339)	-	(165.321.339)
Lợi nhuận kinh doanh theo bộ phận	21.276.031.927	2.621.981.837	23.898.013.764
Doanh thu dịch vụ			-
Chi phí hoạt động chung			(12.555.693.152)
Doanh thu hoạt động tài chính			6.963.517
Chi phí tài chính			(619.449.096)
Lợi nhuận trước thuế			10.729.835.033
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.073.497.431)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			9.656.337.602

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Số cuối năm	Sản xuất và kinh doanh bao bì	Sản xuất và kinh doanh phân bón	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	51.082.365.622	55.482.509.434	106.564.875.056
Tài sản không phân bổ			32.175.126.132
Tổng cộng tài sản			138.740.001.188
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	28.848.542.226	21.598.969.553	50.447.511.779
Nợ phải trả không phân bổ			26.703.662.925
Tổng cộng nợ phải trả			77.151.174.704
Số đầu năm			
Tài sản			
Tài sản bộ phận	66.420.653.139	58.078.165.040	124.498.818.179
Tài sản không phân bổ			11.187.315.983
Tổng cộng tài sản			135.686.134.162
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	20.343.984.966	22.969.075.256	43.313.060.222
Nợ phải trả không phân bổ			30.270.810.859
Tổng cộng nợ phải trả			73.583.871.081

16. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng		
Trong đó:		
Doanh thu bán bao bì	173.005.163.506	173.318.036.637
Doanh thu bán phân bón	51.183.871.500	63.416.248.250
Doanh thu bán bao phế	311.241.000	165.800.000
Doanh thu khác	117.230.000	-
	224.617.506.006	236.900.084.887
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	880.000.000	-
Giảm giá hàng bán	-	297.244.902
	880.000.000	297.244.902
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 23)	194.426.766.665	220.898.582.120

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của bao bì đã bán	149.488.937.644	147.841.645.636
Giá vốn của phân bón đã bán	47.378.275.971	56.928.552.686
	196.867.213.615	204.770.198.322

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.183.980.453	161.452.246.874
Chi phí nhân công	26.532.996.979	32.587.665.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.866.612.513	10.739.091.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.442.228.431	8.164.658.517
Chi phí khác bằng tiền	6.594.619.785	4.213.827.383
	233.620.438.161	217.157.489.992

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.972.200.329	3.267.084.848
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	35.348.542	12.176.344
Chênh lệch tỷ giá đối với các giao dịch phát sinh trong năm	14.737.987	-
	2.022.286.858	3.279.261.192

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	4.900.699.601	7.189.278.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.394.903.754	1.440.355.765
Thuế, phí và lệ phí	205.211.393	168.022.537
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.940.790.479	2.304.194.077
Chi phí khác bằng tiền	2.143.341.950	1.456.210.342
	10.584.947.177	12.558.061.521
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.207.033.568	1.007.843.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	249.744.597	265.246.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.593.042.015	2.798.894.850
Chi phí khác bằng tiền	2.704.175.351	1.035.141.538
	7.753.995.531	5.107.126.095

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.004.949.824	1.672.200.381
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	183.146.689	(598.702.950)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.188.096.513	1.073.497.431

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	6.531.440.116	10.729.835.033
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(912.012.127)	(1.334.932.745)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	285.584.046	427.692.307
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.905.012.035	9.822.594.595
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì	10.838.243.512	10.720.771.574
- Thu nhập hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón	(4.933.231.477)	(898.176.979)
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	36.592.600	78.643.320
Thu nhập chịu thuế suất ưu đãi 17%	5.868.419.435	9.743.951.275
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.004.949.824	1.672.200.381

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì: Theo Quyết định số 22/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu và Giấy chứng nhận đầu tư số 60221000003 của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bạc Liêu chứng nhận lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2013 và các quy định hiện hành, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 20% trong thời hạn 10 năm và từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, thuế suất ưu đãi là 17%; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2012), giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón: Theo Công văn số 380/CT-TTHT ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu, dự án Nhà máy sản xuất phân bón Dầu khí Bạc Liêu được xác định là dự án đầu tư mới. Do đó, Công ty xác định được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: thuế suất ưu đãi là 17% trong thời hạn 10 năm; đồng thời, miễn thuế 2 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập mới từ Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

22. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.343.343.603	9.656.337.602
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(1.068.668.721)	(2.657.084.400)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.274.674.882	6.999.253.202
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	4.799.516	4.799.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	891	1.458

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 4 năm 2019.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu như trình bày tại Thuyết minh số 14. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh với giá thuyết sự kiện này đã xảy ra ngay thời điểm đầu năm tài chính.

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
	Cổ phiếu	VND
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.570.994	1.690
Trình bày lại	228.522	(232)
Số sau trình bày lại	4.799.516	1.458



23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	Chủ sở hữu
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	
Các đơn vị cùng Tập đoàn	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	194.426.766.665	220.898.582.120
	194.426.766.665	220.898.582.120
Chia cổ tức		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau		
- Chia cổ tức bằng tiền	1.632.778.000	-
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	1.166.270.000	2.499.150.000
	2.799.048.000	2.499.150.000
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	18.474.377.091	14.812.670.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	2.901.600.000	1.530.500.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông tại Bạc Liêu - Cửa hàng xăng dầu số 17	107.863.275	96.829.240
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Bạc Liêu	-	57.355.000
	21.483.840.366	16.497.354.240
Dịch vụ khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	107.298.350	85.819.573
	107.298.350	85.819.573



Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.937.099.919	38.545.117.166
	14.937.099.919	38.545.117.166
Các khoản phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.037.253.600	3.698.943.200
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	-	159.500.000
	2.037.253.600	3.858.443.200
Các khoản phải trả khác		
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	1.509.320.736	1.509.320.736
	1.509.320.736	1.509.320.736

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.415.849.816	2.865.045.075
	2.415.849.816	2.865.045.075

24. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, Công ty đã thực hiện chia cổ tức năm 2018 bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện là 5%/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCD ngày 18 tháng 4 năm 2019. Giá trị cổ phiếu đã phát hành theo mệnh giá là 2.285.220.000 VND, tương đương với 228.522 cổ phiếu. Theo đó, chỉ tiêu Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty không bao gồm khoản tiền tương ứng nêu trên (khoản tiền này đã được điều chỉnh tăng vốn góp của chủ sở hữu đồng thời giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).





Trịnh Thanh Trúc
 Người lập biểu

Lê Cảnh Khánh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Kiên
 Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2020